

Số: **04** /2015/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2015

## **THÔNG TƯ**

### **Quy định về thăm dò và phân cấp trữ lượng, cấp tài nguyên khoáng sản chì - kẽm**

*Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;  
Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;*

*Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia, Vụ trưởng Vụ Pháp chế;*

*Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định về thăm dò và phân cấp trữ lượng, cấp tài nguyên khoáng sản chì - kẽm;*

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về thăm dò; phân cấp trữ lượng, cấp tài nguyên trong thăm dò khoáng sản chì - kẽm;

##### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này được áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản; tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản; tổ chức, cá nhân thăm dò, khai thác khoáng sản và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động khoáng sản.

### **Chương II**

#### **ĐÁNH GIÁ CẤP TRỮ LƯỢNG VÀ CẤP TÀI NGUYÊN**

##### **Điều 3. Phân cấp trữ lượng và cấp tài nguyên**

1. Tài nguyên khoáng sản chì - kẽm được phân làm 2 nhóm:
  - a) Tài nguyên xác định;
  - b) Tài nguyên dự báo.
2. Nhóm tài nguyên xác định phân thành 2 loại: trữ lượng và tài nguyên
  - a) Loại trữ lượng được phân thành 3 cấp, gồm: cấp trữ lượng 111; cấp trữ lượng 121; cấp trữ lượng 122.

đặc điểm địa chất công trình của các tầng đất đá và tính dị hướng của chúng, thành phần đất đá, độ nứt nẻ, phá huỷ kiến tạo, karst, hiện tượng phá huỷ trong đới phong hóa;

b) Kết quả thăm dò phải đánh giá độ bền vững của các công trình mỏ và tính toán các thông số cơ bản của moong khai thác, độ ổn định của lò;

c) Toàn bộ các điều kiện địa chất thủy văn, địa chất công trình và các yếu tố tự nhiên khác cần được đánh giá đáp ứng yêu cầu cho lập dự án đầu tư khai thác và thiết kế mỏ. Trường hợp điều kiện địa chất thủy văn, địa chất công trình cực kỳ phức tạp, cần phải có đề án điều tra, đánh giá chuyên ngành. Công tác đánh giá địa chất thủy văn, địa chất công trình tuân thủ theo các quy định hiện hành.

### **Điều 19. Yêu cầu về đánh giá mức độ ô nhiễm và tác động môi trường**

1. Quá trình thăm dò phải tiến hành thu thập các dữ liệu về địa chất môi trường để dự báo và đánh giá các yếu tố chính tác động đến môi trường;

2. Đánh giá các tai biến địa chất, các tác động tiêu cực đến môi trường do hoạt động thăm dò gây ra và đề ra các giải pháp ngăn ngừa, giảm thiểu. Nội dung và mức độ đánh giá tác động môi trường phải được đề cập trong đề án thăm dò.

### **Điều 20. Yêu cầu về công tác đánh giá điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ**

1. Đánh giá sơ bộ ranh giới khai trường, góc dốc sườn tầng, góc dốc bờ moong, hệ số bóc, khối lượng đất bóc, đánh giá sơ bộ áp lực đất đá ở vách, trụ và thân quặng.

2. Đánh giá các diện tích không chứa quặng chì - kẽm công nghiệp làm cơ sở lập dự án đầu tư khai thác khoáng sản và thiết kế mỏ.

### **Điều 21. Công tác tính trữ lượng và tài nguyên**

1. Việc tính trữ lượng, tài nguyên quặng chì - kẽm phải căn cứ vào chỉ tiêu tính trữ lượng được luận giải chi tiết trong báo cáo thăm dò khoáng sản cho từng mỏ.

2. Phương pháp tính trữ lượng và tài nguyên quặng chì - kẽm phải được lựa chọn phù hợp đặc điểm cấu trúc thân quặng cho từng mỏ. Khuyến khích áp dụng các phần mềm chuyên dụng để tính trữ lượng.

3. Trữ lượng, tài nguyên quặng chì - kẽm được tính là trữ lượng hiện có trong lòng đất, không tính đến sự tổn thất khi khai thác, chế biến và tính theo đơn vị nghìn tấn cho quặng nguyên khai và tấn cho kim loại chì - kẽm.

4. Trữ lượng và tài nguyên quặng chì - kẽm được thể hiện trên nền bình đồ tính trữ lượng ở tỷ lệ 1/2000 đến 1/1000, tùy theo quy mô và đặc điểm thân

quặng. Kết quả tính trữ lượng phải được thể hiện theo từng thân quặng, theo cấp trữ lượng, tài nguyên và theo mức cao tối đa 10m.

**Điều 22. Yêu cầu về cấp trữ lượng cao nhất và tỷ lệ các cấp trữ lượng**

1. Cấp trữ lượng cao nhất đối với mỏ nhóm I và II phải thăm dò là cấp 121; đối với mỏ nhóm III và IV phải thăm dò là cấp 122.

2. Tỷ lệ các cấp trữ lượng 121 và 122 do chủ đầu tư xác định trên cơ sở đặc điểm địa chất của mỏ, khả năng tài chính, điều kiện kỹ thuật khai thác, công suất dự kiến khai thác, nhưng phải đảm bảo tỷ lệ trữ lượng cấp cao nhất trên tổng trữ lượng của mỏ không thấp hơn 10% và phải được thể hiện trong đề án thăm dò.

**Điều 23. Nội dung, hình thức trình bày báo cáo kết quả thăm dò**

Nội dung, hình thức trình bày báo cáo kết quả thăm dò thực hiện theo Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.

**Chương IV  
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 24. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2015;

**Điều 25. Tổ chức thực hiện**

1. Văn phòng Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Tài nguyên và Môi trường để xem xét, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- TANDTC, VKSNDTC;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ
- Lưu: VT, VPTLKS, ĐCKS, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Trần Hồng Hà**

**Phụ lục 1: Bảng phân cấp trữ lượng và cấp tài nguyên khoáng sản rắn**  
 (Kèm theo Thông tư Quy định về thăm dò, phân cấp trữ lượng, cấp tài nguyên khoáng sản chì - kèm số: **04** /2015/TT-BTNMT, ngày **13** tháng **02** năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Mức độ nghiên cứu địa chất  Mức độ hiệu quả kinh tế	Chắc chắn	Tin cậy	Dự tính	Dự báo	
				Suy đoán	Phòng đoán
Có hiệu quả kinh tế	Trữ lượng 111 ①				
	Trữ lượng 121 ②	Trữ lượng 222 ②			
Có tiềm năng hiệu quả kinh tế	Tài nguyên 211 ①				
	Tài nguyên 221 ②	Tài nguyên 222 ②			
Chưa rõ hiệu quả kinh tế	Tài nguyên 331 ③	Tài nguyên 332 ③	Tài nguyên 333 ③	Tài nguyên 334a	Tài nguyên 334b

- ① - Nghiên cứu khả thi.  
 ② - Nghiên cứu tiền khả thi.  
 ③ - Nghiên cứu khái quát.

**Phụ lục 2: Mạng lưới định hướng các công trình thăm dò khoáng sản chì - kẽm**

(Kèm theo Thông tư Quy định về thăm dò, phân cấp trữ lượng, cấp tài nguyên khoáng sản chì - kẽm số: **04** /2015/TT-BTNMT, ngày **13** tháng **02** năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Nhóm mỏ	Công trình thăm dò		Khoảng cách đối với các cấp trữ lượng (m)			
			121		122	
			Đường phương	Hướng dốc	Đường phương	Hướng dốc
<b>I</b>	Trên mặt	Hào, giếng	50÷60		75 ÷ 100	
	Dưới sâu	Khoan	100÷120	50÷60	150÷ 200	75÷100
<b>II</b>	Trên mặt	Hào, giếng	40÷50		50÷60	
	Dưới sâu	Khoan, lò, hoặc kết hợp cả khoan và lò	80÷100	40÷50	100÷120	50÷60
<b>III</b>	Trên mặt	Hào, giếng			40÷60	
	Dưới sâu	Khoan, lò, hoặc kết hợp cả khoan và lò			80÷100	40÷50
<b>IV</b>	Trên mặt	Hào, giếng			20÷30	
	Dưới sâu	Khoan, lò, hoặc kết hợp cả khoan và lò			20÷30	20÷30